

**PHẦN III.**  
**NỘI DUNG CỤ THỂ TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

**I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

**A1. LĨNH VỰC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ**

**1. Thủ tục cấp giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan**

**\* Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định nộp 01 bộ hồ sơ tới cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở hoạt động.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo đến Cục Bản quyền tác giả (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) để ghi nhận, cập nhật vào Danh sách tổ chức giám định.

**\* Cách thức thực hiện:** Nộp qua Cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

**\* Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan theo Mẫu số 01 tại Phụ lục IV Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026.

(2) Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc giấy đăng ký hoạt động hoặc quyết định thành lập do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp. Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì nộp bản sao điện tử hoặc bản chứng thực điện tử.

Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để thay thế và chỉ được yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu tại điểm này trong trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác.

(3) Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc giữa tổ chức và giám định viên làm việc cho tổ chức. Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì nộp bản sao điện tử hoặc bản chứng thực điện tử.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

**\* Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**\* Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**\* Cơ quan thực hiện TTHC:** Cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**\* Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan theo Mẫu số 02 tại Phụ lục IV Nghị quyết số 18/2026NQ-CP ngày 29/4/2026.

**\* Phí, lệ phí:** Không quy định.

**\* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan theo Mẫu số 01 tại Phụ lục IV Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026.

**\* Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Tổ chức đáp ứng điều kiện quy định tại các khoản 2 và 2a Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ, quy định của pháp luật có liên quan.

**\* Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15.

- Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26/4/2023 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 134/2026/NĐ-CP ngày 06/4/2026 của Chính phủ.

- Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

*Phân chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.*

**TỜ KHAI**  
**YÊU CẦU CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN**

Kính gửi: *(Cơ quan nhận hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận)*

<b>① THÔNG TIN TỔ CHỨC YÊU CẦU CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN</b>													
Tên tổ chức: Quyết định thành lập/Giấy đăng ký hoạt động số: <span style="float: right;">cấp ngày</span> tại Địa chỉ: Điện thoại: <span style="margin-left: 150px;">Fax:</span> <span style="float: right;">Email:</span>													
<b>② NỘI DUNG YÊU CẦU</b>													
<input type="checkbox"/> Cấp Giấy chứng nhận lần đầu <input type="checkbox"/> Cấp lại Giấy chứng nhận <span style="margin-left: 20px;">Số Giấy chứng nhận đã cấp:</span> <u>Lý do cấp lại:</u> <input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận bị mất <span style="margin-left: 100px;"><input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận bị hư hỏng</span> <span style="margin-left: 20px;"><input type="checkbox"/> Thay đổi thông tin trong Giấy chứng nhận</span>													
<b>③ DANH SÁCH GIÁM ĐỊNH VIÊN THUỘC TỔ CHỨC</b>													
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 10%;">STT</th> <th style="width: 30%;">Họ và tên</th> <th style="width: 30%;">Số Thẻ giám định viên</th> <th style="width: 30%;">Chuyên ngành</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> </tbody> </table>		STT	Họ và tên	Số Thẻ giám định viên	Chuyên ngành								
STT	Họ và tên	Số Thẻ giám định viên	Chuyên ngành										
<b>④ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG HỒ SƠ</b> <input type="checkbox"/> Tờ khai theo mẫu <input type="checkbox"/> Giấy đăng ký hoạt động hoặc quyết định thành lập do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp <input type="checkbox"/> Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc giữa tổ chức và giám định viên làm việc cho tổ chức <input type="checkbox"/> Giấy tờ hợp pháp chứng minh sự thay đổi thông tin (nếu yêu cầu cấp lại do thay đổi thông tin) <input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận tổ chức giám định đã cấp (nếu yêu cầu cấp lại, trừ trường hợp bị mất)	<b>HỒ SƠ GỒM CÁC TÀI LIỆU</b> <i>(Dành cho cán bộ nhận hồ sơ)</i> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin-left: auto; margin-right: auto;">         Cán bộ nhận hồ sơ  <i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i> </div>												

⑤

**CAM KẾT CỦA NGƯỜI KHAI**

Tụi xin cam đoan các thông tin, tài liệu trong hồ sơ là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Làm tại: ..... ngày ... tháng ... năm ...*

**Người khai**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/  
THÀNH PHỐ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... (Cơ quan chuyên  
môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân  
cấp tỉnh)

....., ngày tháng năm

Số: /GCNTCGĐ-.....

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**Tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan**

**THỦ TRƯỞNG**  
**CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ VĂN HÓA THUỘC UBND CẤP TỈNH**

*Căn cứ khoản 2 và khoản 2a Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi, bổ sung các năm 2009, 2019, 2022 và 2025;*

*Căn cứ Điều ... Nghị định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan;*

*Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ..... (cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).*

**CHỨNG NHẬN**

Tổ chức:

Tên giao dịch:

QĐTL/ĐKHĐ số:

cấp ngày:

Tại:

Địa chỉ:

**Là Tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan**

Họ và tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức:

Danh sách giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan:

STT	Họ và tên	Số Thẻ giám định viên	Chuyên ngành

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

## **2. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan**

### **\* Trình tự thực hiện:**

- Trong trường hợp Giấy chứng nhận tổ chức giám định bị mất, hư hỏng hoặc có sự thay đổi về thông tin đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận tổ chức giám định; Tổ chức giám định có yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định nộp hồ sơ tới cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đã cấp Giấy chứng nhận.

- Thời hạn cấp lại là 12 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo đến Cục Bản quyền tác giả (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) để ghi nhận, cập nhật vào Danh sách tổ chức giám định.

**\* Cách thức thực hiện:** Nộp qua Cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

### **\* Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan theo Mẫu số 01 tại Phụ lục IV Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026.

(2) Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc giữa tổ chức và giám định viên làm việc cho tổ chức, trong trường hợp có sự thay đổi so với nội dung ghi trong Giấy chứng nhận tổ chức giám định đã được cấp; trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì nộp bản sao điện tử hoặc bản chứng thực điện tử.

(3) Giấy tờ hợp pháp chứng minh sự thay đổi thông tin, trong trường hợp đề nghị cấp lại do thay đổi thông tin.

(4) Giấy chứng nhận tổ chức giám định đã cấp bị hư hỏng hoặc Giấy chứng nhận tổ chức giám định đã cấp trong trường hợp có thay đổi thông tin.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

**\* Thời hạn giải quyết:** 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**\* Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**\* Cơ quan thực hiện TTHC:** Cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

**\* Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan theo Mẫu số 02 tại Phụ lục IV Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026.

**\* Phí, lệ phí:** Không quy định.

**\* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan theo Mẫu số 01 tại Phụ lục IV Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026.

**\* Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không quy định.

**\* Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15.

- Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26/4/2023 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 134/2026/NĐ-CP ngày 06/4/2026 của Chính phủ.

- Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

*Phần chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.*

**TỜ KHAI**  
**YÊU CẦU CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN**

Kính gửi: *(Cơ quan nhận hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận)*

<b>① THÔNG TIN TỔ CHỨC YÊU CẦU CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN</b>													
Tên tổ chức: Quyết định thành lập/Giấy đăng ký hoạt động số: <span style="float: right;">cấp ngày</span> tại Địa chỉ: Điện thoại: <span style="margin-left: 150px;">Fax:</span> <span style="float: right;">Email:</span>													
<b>② NỘI DUNG YÊU CẦU</b>													
<input type="checkbox"/> Cấp Giấy chứng nhận lần đầu <input type="checkbox"/> Cấp lại Giấy chứng nhận <span style="margin-left: 20px;">Số Giấy chứng nhận đã cấp:</span> <u>Lý do cấp lại:</u> <input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận bị mất <span style="margin-left: 100px;"><input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận bị hư hỏng</span> <input type="checkbox"/> Thay đổi thông tin trong Giấy chứng nhận													
<b>③ DANH SÁCH GIÁM ĐỊNH VIÊN THUỘC TỔ CHỨC</b>													
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 10%;">STT</th> <th style="width: 30%;">Họ và tên</th> <th style="width: 30%;">Số Thẻ giám định viên</th> <th style="width: 30%;">Chuyên ngành</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> </tbody> </table>		STT	Họ và tên	Số Thẻ giám định viên	Chuyên ngành								
STT	Họ và tên	Số Thẻ giám định viên	Chuyên ngành										
<b>④ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG HỒ SƠ</b> <input type="checkbox"/> Tờ khai theo mẫu <input type="checkbox"/> Giấy đăng ký hoạt động hoặc quyết định thành lập do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp <input type="checkbox"/> Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc giữa tổ chức và giám định viên làm việc cho tổ chức <input type="checkbox"/> Giấy tờ hợp pháp chứng minh sự thay đổi thông tin (nếu yêu cầu cấp lại do thay đổi thông tin) <input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận tổ chức giám định đã cấp (nếu yêu cầu cấp lại, trừ trường hợp bị mất)	<b>HỒ SƠ GỒM CÁC TÀI LIỆU</b> <i>(Dành cho cán bộ nhận hồ sơ)</i> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin-left: auto; margin-right: auto;">         Cán bộ nhận hồ sơ          (Ký và ghi rõ họ tên)       </div>												

⑤

**CAM KẾT CỦA NGƯỜI KHAI**

Tụi xin cam đoan cỏ thụng tin, tài liệu trong hồ sơ là đỳng sự thật và hoàn toàn chịu trỏch nhiệm trước phỏp luật.

*Làm tại: ..... ngày ... tháng ... năm ...*

**Người khai**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/  
THÀNH PHỐ....  
..... (Cơ quan chuyên  
môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân  
cấp tỉnh)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Số: /GCNTCGĐ-.....

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**Tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan**

**THỦ TRƯỞNG**  
**CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ VĂN HÓA THUỘC UBND CẤP TỈNH**

*Căn cứ khoản 2 và khoản 2a Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi, bổ sung các năm 2009, 2019, 2022 và 2025;*

*Căn cứ Điều ... Nghị định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan;*

*Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ..... (cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).*

**CHỨNG NHẬN**

Tổ chức:

Tên giao dịch:

QĐTL/ĐKHD số:

cấp ngày:

Tại:

Địa chỉ:

**Là Tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan**

Họ và tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức:

Danh sách giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan:

STT	Họ và tên	Số Thẻ giám định viên	Chuyên ngành

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

## **A2. LĨNH VỰC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**

### **3. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội**

**\* Trình tự thực hiện:**

- Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội phải làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép trong những trường hợp sau: thay đổi cơ quan chủ quản (nếu có); thay đổi tên của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội; thay đổi địa chỉ trụ sở chính; thay đổi địa điểm đặt máy chủ; thay đổi nhân sự chịu trách nhiệm trước pháp luật và nhân sự quản lý nội dung; thay đổi tên của mạng xã hội (nếu có), loại hình dịch vụ, phạm vi cung cấp dịch vụ (tên miền, hệ thống phân phối ứng dụng).

- Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội lập 01 bộ hồ sơ đến Cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định, cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép theo mẫu quy định, sau khi cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung. Trường hợp từ chối, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhận kết quả tại cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi mình nộp hồ sơ hoặc qua dịch vụ bưu chính, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**\* Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố nơi Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đặt trụ sở chính hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

**\* Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 03 tại Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP.

(2) Các tài liệu chứng minh có liên quan (nếu có) đến cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**\* Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**\* Đối tượng thực hiện TTHC:** Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

**\* Cơ quan thực hiện TTHC:** Cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**\* Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 05 tại Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP.

**\* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 03 tại Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP.

\* **Phí, lệ phí:** Không quy định

\* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

\* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

- Công văn số 48/CP-KGVX ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về việc đính chính Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

- Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

*Phân chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.*

TÊN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

... , ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG  
GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI**

Kính gửi: .....

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....
3. Địa chỉ trụ sở giao dịch:....
4. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số: ..... do .... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...

5. Điện thoại: ..... Website .....

6. Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội cần sửa đổi, bổ sung:

Giấy phép (*tên giấy phép*) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

**Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung**

1. Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:
2. Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

**Phần 3. Tài liệu kèm theo**

- 1.....
- 2.....
- 3.....

**Phần 4. Cam kết**

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội sửa đổi, bổ sung và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về cung cấp dịch vụ mạng xã hội và các quy định trong giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội sửa đổi, bổ sung.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

.....

**XÁC NHẬN CỦA**  
**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/**  
**NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

(UBND TỈNH, THÀNH PHỐ  
TRỰC THUỘC TW...)  
(SỞ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ  
DU LỊCH/SỞ VĂN HÓA THỂ  
THAO TỈNH, THÀNH PHỐ...)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng... năm....

Số:.../GP-.....

### GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI

*Cấp lần đầu: ngày .... tháng .... năm ....*

*Cấp sửa đổi, bổ sung: ngày...tháng...năm...(nếu có)*

*Cấp lại: ngày... tháng...năm... (nếu có)*

*Cấp gia hạn: ngày... tháng... năm...(nếu có)*

### GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH/ SỞ VĂN HÓA THỂ THAO

*Căn cứ Nghị định số ngày ... tháng .... năm..... của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa Thể Thao tỉnh, thành phố...*

*Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;*

*Căn cứ...*

*Theo đề nghị của (cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép);*

*Theo đề nghị của (Trưởng Phòng... thuộc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa Thể Thao tỉnh, thành phố)..*

### QUYẾT ĐỊNH:

### CẤP GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI THEO NHỮNG QUY ĐỊNH SAU:

**Điều 1. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo các quy định sau:**

1. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội:.....

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Địa chỉ trụ sở giao dịch:...

- Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số: ..... do .... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...

- Điện thoại:..... Website.....

2. Tên mạng xã hội (nếu có):

3. Mục đích cung cấp dịch vụ mạng xã hội:

4. Loại hình dịch vụ mạng xã hội:

5. Phương thức cung cấp dịch vụ:

a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền:

b) Qua ứng dụng ....phân phối trên kho ứng dụng...

6. Địa điểm đặt hệ thống máy chủ cung cấp dịch vụ tại Việt Nam:

7. Nhân sự chịu trách nhiệm quản lý nội dung thông tin trên mạng xã hội:

a) Nhân sự chịu trách nhiệm trước pháp luật:

- Họ và tên:.....

- Chức danh:.....

- Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động):.....

b) Nhân sự quản lý nội dung:

- Họ và tên:.....

- Chức danh:.....

- Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động):.....

**Điều 2. Ngoài các quy định tại Điều 1, (cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) có các trách nhiệm sau:**

1. (Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) phải thực hiện đúng các quy định về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các cam kết tại hồ sơ đề nghị cấp phép và những điều ghi trong giấy phép này.

2. Trường hợp trên mạng xã hội có cung cấp dịch vụ khác thuộc các ngành nghề kinh doanh có điều kiện cần phải có giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, (Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép hoặc giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

**Điều 3. Hiệu lực của giấy phép:**

**Nơi nhận:**

- Cơ quan/Tổ chức/DN được cấp phép;
- Bộ VH-TT-DL (Cục PTT&TTĐT);
- Thanh tra....
- Giám đốc Sở VH-TT/VH-TT-DL địa phương;
- Lưu: VT....,

**GIÁM ĐỐC**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và  
đóng dấu/ký số)

#### **4. Thủ tục gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội**

##### **\* Trình tự thực hiện:**

- Chậm nhất 30 ngày trước khi hết hạn Giấy phép đã được cấp, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp muốn gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội đã được cấp lập 01 bộ hồ sơ gửi đến Cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định, cấp gia hạn Giấy phép đã cấp theo mẫu quy định. Việc xét gia hạn Giấy phép được thực hiện dựa trên việc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ các quy định trong Giấy phép và các quy định của pháp luật có liên quan về quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên mạng.

- Trường hợp từ chối, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhận kết quả tại cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi mình nộp hồ sơ hoặc qua dịch vụ bưu chính, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**\* Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố nơi Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đặt trụ sở chính hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

##### **\* Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 04 tại Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**\* Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**\* Đối tượng thực hiện TTHC:** Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

**\* Cơ quan thực hiện TTHC:** Cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**\* Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 05 tại Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP.

##### **\* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 04 tại Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP.

**\* Phí, lệ phí:** Không quy định

**\* Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

##### **\* Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

- Công văn số 48/CP-KGVX ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về việc đính chính Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

- Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

*Phần chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.*

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,  
DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

... , ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN  
GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI**

Kính gửi: .....

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị được cấp gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

- 1. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp: .....
- 2. Tên mạng xã hội (nếu có):.....
- 3. Địa chỉ trụ sở chính:.....
- 4. Địa chỉ trụ sở giao dịch:.....
- 5. Điện thoại: ..... Website .....
- 6. Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội đề nghị được gia hạn:  
Giấy phép (*tên giấy phép*) số....cấp ngày .... tháng ...năm .....

**Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn**

Lý do đề nghị gia hạn .....  
Thời hạn đề nghị được gia hạn: .... năm .... tháng

**Phần 3. Tài liệu kèm theo**

- 1. ....
- 2. ....

**Phần 4. Cam kết**

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

- 1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.
- 2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng và các quy định trong giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội được gia hạn.

**Nơi nhận:**

- Như trên;  
.....

**XÁC NHẬN CỦA  
NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/  
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

*Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).*

(UBND TỈNH, THÀNH PHỐ  
TRỰC THUỘC TW...)  
**(SỞ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ  
DU LỊCH/SỞ VĂN HÓA THỂ  
THAO TỈNH, THÀNH PHỐ...)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày ... tháng... năm....

Số:.../GP-.....

**GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI**

*Cấp lần đầu: ngày .... tháng .... năm ....*

*Cấp sửa đổi, bổ sung: ngày...tháng...năm...(nếu có)*

*Cấp lại: ngày... tháng...năm... (nếu có)*

*Cấp gia hạn: ngày... tháng... năm...(nếu có)*

**GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH/  
SỞ VĂN HÓA THỂ THAO**

*Căn cứ Nghị định số ngày ... tháng .... năm..... của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa Thể Thao tỉnh, thành phố...*

*Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;*

*Căn cứ...*

*Theo đề nghị của (cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép);*

*Theo đề nghị của (Trưởng Phòng... thuộc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa Thể Thao tỉnh, thành phố)..*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**CẤP GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI  
THEO NHỮNG QUY ĐỊNH SAU:**

**Điều 1. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo các quy định sau:**

1. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội:.....

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Địa chỉ trụ sở giao dịch:...

- Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số: ..... do .... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...

- Điện thoại:..... Website.....

2. Tên mạng xã hội (nếu có):

3. Mục đích cung cấp dịch vụ mạng xã hội:
4. Loại hình dịch vụ mạng xã hội:
5. Phương thức cung cấp dịch vụ:
  - a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền:
  - b) Qua ứng dụng ....phân phối trên kho ứng dụng...
6. Địa điểm đặt hệ thống máy chủ cung cấp dịch vụ tại Việt Nam:
7. Nhân sự chịu trách nhiệm quản lý nội dung thông tin trên mạng xã hội:
  - a) Nhân sự chịu trách nhiệm trước pháp luật:
    - Họ và tên:.....
    - Chức danh:.....
    - Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động):.....
  - b) Nhân sự quản lý nội dung:
    - Họ và tên:.....
    - Chức danh:.....
    - Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động):.....

**Điều 2. Ngoài các quy định tại Điều 1, (cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) có các trách nhiệm sau:**

1. (Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) phải thực hiện đúng các quy định về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các cam kết tại hồ sơ đề nghị cấp phép và những điều ghi trong giấy phép này.

2. Trường hợp trên mạng xã hội có cung cấp dịch vụ khác thuộc các ngành nghề kinh doanh có điều kiện cần phải có giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, (Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép hoặc giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

**Điều 3. Hiệu lực của giấy phép:**

**Nơi nhận:**

- Cơ quan/Tổ chức/DN được cấp phép;
- Bộ VH-TT-DL (Cục PTH&TTĐT);
- Thanh tra....
- Giám đốc Sở VH-TT/VH-TT-DL địa phương;
- Lưu: VT.....

**GIÁM ĐỐC**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và  
đóng dấu/ký số)

## **5. Thủ tục gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng**

### **\* Trình tự thực hiện:**

- Chậm nhất 30 ngày trước khi hết hạn Giấy phép đã được cấp, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp muốn gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng đã được cấp lập 01 bộ hồ sơ gửi đến Cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định, cấp gia hạn Giấy phép đã cấp theo Mẫu quy định. Việc xét gia hạn Giấy phép được thực hiện dựa trên việc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ các quy định trong Giấy phép và các quy định của pháp luật có liên quan về quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên mạng.

- Trường hợp từ chối, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhận kết quả tại cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi mình nộp hồ sơ hoặc qua dịch vụ bưu chính, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

\* **Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố nơi Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đặt trụ sở chính hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

### **\* Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng theo Mẫu số 06 tại Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

\* **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

\* **Đối tượng thực hiện TTHC:** Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

\* **Cơ quan thực hiện TTHC:** Cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

\* **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng theo Mẫu số 07 tại Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP.

### **\* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng theo Mẫu số 06 tại Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP.

\* **Phí, lệ phí:** Không quy định

\* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

### **\* Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

*- Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.*

*Phần chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.*

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP  
CUNG CẤP DỊCH VỤ CHƠI ĐIỆN TỬ G1 TRÊN MẠNG**

Kính gửi: .....

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Tên doanh nghiệp: (ghi bằng chữ in hoa) .....

- Tên giao dịch quốc tế: .....

- Tên viết tắt: .....

2. Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Địa chỉ văn phòng giao dịch:.....Điện thoại: .....Fax: ...

- Website giới thiệu hoạt động của Công ty: .....

- Website cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng: .....

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:.... do.... cấp ngày... tháng... năm... do....

4. Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng đề nghị được gia hạn:

Giấy phép (*tên giấy phép*) số.... cấp ngày .... tháng ....năm ....**Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn**

Lý do đề nghị gia hạn .....

Thời hạn đề nghị được gia hạn: .... năm .... tháng

**Phần 3. Tài liệu kèm theo**

1. ....

2. ....

**Phần 4. Cam kết**

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định trong giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng gia hạn.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

.....

**XÁC NHẬN CỦA**  
**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/**  
**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU DOANH NGHIỆP**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

*Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).*

(UBND TỈNH, THÀNH PHỐ  
TRỰC THUỘC TW...)  
(SỞ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH/  
SỞ VĂN HÓA THỂ THAO TỈNH,  
THÀNH PHỐ...)

Số: ..../GP-....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày .... tháng .... năm ....

**GIẤY PHÉP**  
**CUNG CẤP DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G1 TRÊN MẠNG**

*Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...*

*Cấp sửa đổi, bổ sung ngày ... tháng ... năm ... (nếu có)*

*Cấp lại ngày ... tháng ... năm ... (nếu có)*

*Cấp gia hạn ngày ... tháng ... năm .... (nếu có)*

**GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH/SỞ VĂN HÓA THỂ THAO**

*Căn cứ Nghị định số ngày ... tháng .... năm..... của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa Thể Thao tỉnh, thành phố...*

*Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;*

*Căn cứ...*

*Theo đề nghị của (cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép);*

*Theo đề nghị của (Trưởng Phòng... thuộc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa Thể Thao tỉnh, thành phố)..*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CẤP GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G1**  
**TRÊN MẠNG THEO NHỮNG QUY ĐỊNH SAU:**

**Điều 1. Thông tin doanh nghiệp:**

1. Tên doanh nghiệp: .....

- Tên giao dịch quốc tế: .....

- Tên viết tắt: .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

- Địa chỉ văn phòng giao dịch: .....

- Điện thoại: ..... Fax: .....

- Website giới thiệu hoạt động của Công ty: .....

- Website cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng: .....

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:.... do.... cấp ngày... tháng... năm... do....

4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Chức vụ: .....Số điện thoại liên lạc:.....

5. Địa chỉ đặt máy chủ và Tên doanh nghiệp cho thuê máy chủ, cho thuê chỗ đặt máy chủ: .....

**Điều 2.** Doanh nghiệp được cấp giấy phép phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng phải thực hiện đúng các quy định tại:

- Nghị định số .../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;

- Cam kết của doanh nghiệp tại Đơn đề nghị cấp giấy phép;

- Những điều ghi trong giấy phép này; các quy định về thanh toán và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

**Điều 3. Hiệu lực của giấy phép:**

***Nơi nhận:***

- Cơ quan/Tổ chức/DN được cấp phép;
- Bộ VHTTDL (Cục PTTH&TTĐT);
- Thanh tra....
- Giám đốc Sở VHTT/VHTTDL địa phương;
- Lưu: VT....,

**GIÁM ĐỐC**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

## **6. Thủ tục cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp**

### **\* Trình tự thực hiện**

- Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp nộp 01 bộ hồ sơ tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh, thành phố (viết tắt là Sở VHTTDL/Sở VHTT).

- Việc cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp cho cơ quan báo chí trung ương, cơ quan ngoại giao và lãnh sự, tổ chức, doanh nghiệp trực thuộc trung ương, tổ chức tôn giáo hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; tổ chức Chính phủ và phi Chính phủ nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam quy định tại điểm c khoản 8 Điều 24 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP do Sở VHTT thành phố Hà Nội thực hiện.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở VHTTDL/Sở VHTT xem xét cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo mẫu quy định và gửi cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép một đoạn mã (thể hiện biểu tượng trang thông tin điện tử tổng hợp đã được cấp phép) qua địa chỉ thư điện tử của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Trường hợp từ chối, Sở VHTTDL/Sở VHTT có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện gắn đoạn mã đã được cấp vào nội dung mô tả dịch vụ trên kho ứng dụng (nếu có) và trang thông tin điện tử tổng hợp. Đoạn mã được liên kết đến mục số liệu cấp phép trên Cổng thông tin điện tử của Sở VHTTDL/Sở VHTT địa phương.

**\* Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **\* Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo Mẫu số 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

(2) Bản sao hợp lệ (bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao chứng thực điện tử hoặc bản sao đối chiếu với bản gốc) Quyết định thành lập, Điều lệ hoạt động (đối với các tổ chức hội, đoàn thể). Quyết định thành lập hoặc Điều lệ hoạt động phải có chức năng nhiệm vụ phù hợp với nội dung thông tin cung cấp trên trang thông tin điện tử tổng hợp;

Trường hợp tổ chức là doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì khai thác thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, không yêu cầu nộp bản sao nếu đã có thông tin dữ liệu.

(3) Đề án hoạt động có xác nhận của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép, bao gồm các nội dung chính: Mục đích cung cấp thông tin, nội dung thông tin, các chuyên mục dự kiến, nguồn tin, bản in trang chủ và các trang chuyên mục chính; phương án nhân sự, kỹ thuật, quản lý nội dung, thông tin bảo đảm hoạt động của trang thông tin điện tử tổng hợp phù hợp với các quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 3 Điều 25 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP; thông tin địa điểm đặt hệ thống máy chủ tại Việt Nam; trường hợp liên kết với cơ quan báo chí để sản xuất nội dung

cần nêu rõ tỷ lệ tin bài liên kết, cơ chế hợp tác, sản xuất, biên tập, cơ chế kiểm duyệt tin bài, đăng phát trên trang thông tin điện tử tổng hợp.

(4) Bản in/bản scan màu (nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính) hoặc bản chụp (nộp qua dịch vụ công trực tuyến) giao điện trang chủ và các trang chuyên mục chính; trang chủ phải có đầy đủ thông tin dự kiến theo quy định tại khoản 9 Điều 24 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

(5) Bản sao hợp lệ (bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao chứng thực điện tử hoặc bản sao đối chiếu với bản gốc) văn bản thỏa thuận hợp tác nguồn tin giữa trang thông tin điện tử tổng hợp và cơ quan báo chí cần có các thông tin cơ bản sau: Thời hạn thỏa thuận; phạm vi nội dung được dẫn lại; trách nhiệm quản lý nội dung, thông tin mỗi bên (cơ quan báo chí có trách nhiệm thông báo cho trang thông tin điện tử tổng hợp để kịp thời cập nhật thông tin đã sửa đổi);

Đối với văn bản thỏa thuận hợp tác để liên kết sản xuất nội dung giữa trang thông tin điện tử tổng hợp với cơ quan báo chí phải ghi rõ: Cơ chế hợp tác sản xuất tin bài, cơ quan báo chí chịu trách nhiệm về nội dung các tin bài trong phạm vi liên kết; lĩnh vực hợp tác sản xuất nội dung (tuân thủ quy định tại điểm c khoản 5 Điều 24 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP) và cam kết tuân thủ các quy định tại điểm g khoản 1 Điều 28 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

\* **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

\* **Đối tượng thực hiện:** Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

\* **Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở VH TTDL/Sở VH TT

\* **Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo Mẫu số 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

\* **Kết quả thực hiện:** Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.

\* **Phí, lệ phí:** Không quy định.

\* **Yêu cầu, điều kiện:**

(1) Là cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam, có chức năng, nhiệm vụ hoặc ngành nghề đăng ký kinh doanh đã được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp phù hợp với dịch vụ và nội dung thông tin cung cấp.

(2) Đã đăng ký sử dụng tên miền để thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp và đáp ứng quy định tại Điều 26 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp không phải là cơ quan báo chí, tên miền, tên trang không được giống hoặc trùng với tên cơ quan báo chí hoặc có những từ ngữ (bằng tiếng Việt hoặc tiếng nước ngoài tương đương) có thể gây nhầm lẫn là cơ quan báo chí hoặc hoạt động báo chí như: Báo, đài, tạp chí, tin, tin tức, phát thanh, truyền hình, truyền thông, thông tấn, thông tấn xã.

- Trang thông tin điện tử tổng hợp sử dụng tên miền “.vn” là tên miền chính và lưu trữ dữ liệu người sử dụng dịch vụ tại hệ thống máy chủ có địa chỉ IP ở Việt Nam.

- Tên miền “.vn” phải được cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép đăng ký sử dụng, còn thời hạn sử dụng ít nhất là 06 tháng tại thời điểm đề nghị cấp phép và phải tuân thủ quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet. Đối với tên miền quốc tế phải có xác nhận sử dụng tên miền hợp pháp cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép.

- Trang thông tin điện tử tổng hợp do cơ quan chuyên môn ở địa phương cấp phép không sử dụng tên miền có dãy ký tự trùng với tên địa phương khác.

(3) Đáp ứng các điều kiện về tổ chức, nhân sự và kỹ thuật theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:

(3.1) Điều kiện về tổ chức, nhân sự:

- Có bộ phận quản lý nội dung, thông tin và bộ phận quản lý kỹ thuật. Nhân sự chịu trách nhiệm quản lý nội dung, thông tin là người có quốc tịch Việt Nam;

- Có trụ sở chính với địa chỉ và số điện thoại liên hệ rõ ràng và liên hệ được.

(3.2) Điều kiện về kỹ thuật:

Thiết lập hệ thống thiết bị kỹ thuật có khả năng đáp ứng các yêu cầu sau:

- Đối với trang thông tin điện tử tổng hợp: Lưu trữ tối thiểu 90 ngày đối với nội dung thông tin tổng hợp kể từ thời điểm đăng tải; lưu trữ tối thiểu 02 năm đối với nhật ký xử lý thông tin được đăng tải;

- Tiếp nhận và xử lý cảnh báo thông tin vi phạm từ người sử dụng dịch vụ;

- Phát hiện, cảnh báo và ngăn chặn truy nhập bất hợp pháp, các hình thức tấn công trên môi trường mạng và tuân theo những tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn thông tin mạng theo quy định của pháp luật;

- Có phương án dự phòng bảo đảm duy trì hoạt động an toàn, liên tục và khắc phục khi có sự cố xảy ra, trừ những trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật;

- Đảm bảo phải có ít nhất 01 hệ thống máy chủ đặt tại Việt Nam, cho phép tại thời điểm bất kỳ có thể đáp ứng việc thanh tra, kiểm tra, lưu trữ, cung cấp thông tin trên toàn bộ các trang thông tin điện tử do cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sở hữu theo quy định.

(4) Có biện pháp quản lý nội dung, thông tin theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Có quy trình quản lý nội dung, thông tin: Xác định phạm vi nguồn thông tin khai thác, cơ chế quản lý, kiểm tra thông tin trước và sau khi đăng tải;

- Có cơ chế kiểm soát nguồn tin, đảm bảo thông tin tổng hợp đăng tải không vi phạm bản quyền, phải chính xác theo đúng nội dung nguồn; nội dung dẫn lại chỉ được phát hành theo đúng thời gian trong thỏa thuận (bằng văn bản) giữa cơ quan báo chí và trang thông tin điện tử tổng hợp nhưng không sớm hơn 01 giờ tính từ thời điểm phát hành nội dung nguồn; nội dung dẫn lại phải gỡ ngay sau khi nội dung nguồn bị gỡ (không chậm hơn 03 giờ sau khi nội dung nguồn bị gỡ);

- Có công cụ bằng phương tiện điện tử để tiếp nhận, xử lý khiếu nại của người sử dụng dịch vụ về nội dung, dịch vụ;

- Không cho đăng tải ý kiến nhận xét, bình luận của độc giả về nội dung tin, bài được dẫn lại;

- Nội dung tổng hợp ghi rõ tên tác giả và tên nguồn tin (viết đầy đủ tên nguồn tin), thời gian cơ quan báo chí đăng, phát thông tin đó, đặt đường dẫn liên kết đến bài viết nguồn ngay cuối bài dẫn lại;

- Tách riêng các chuyên mục trao đổi, hỏi đáp liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, dịch vụ, sản phẩm, ngành nghề phục vụ cho hoạt động của chính cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đó;

- Đối với trang thông tin điện tử tổng hợp có hoạt động liên kết sản xuất nội dung với cơ quan báo chí: Không liên kết sản xuất các nội dung liên quan đến điều tra, phản ánh các vấn đề ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; các cơ quan báo chí điện tử chịu trách nhiệm về thông tin liên kết trên trang thông tin điện tử tổng hợp; tỷ lệ tin bài liên kết không quá 50% tổng số tin bài phát hành của cơ quan báo chí đó trong 01 tháng; nhân viên, cộng tác viên của trang thông tin điện tử tổng hợp khi tham gia sản xuất nội dung liên kết không được lấy danh nghĩa phóng viên, biên tập viên, nhà báo;

- Có văn bản thỏa thuận hợp tác nguồn tin với ít nhất 03 cơ quan báo chí.

**\* Căn cứ pháp lý:**

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.

- *Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.*

*Phân chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.*

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,  
DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THIẾT LẬP  
TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TỔNG HỢP**

Kính gửi:.....

*(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp như sau:*

**Phần I. Thông tin chung**

1. Tên cơ quan chủ quản (nếu có):...

2. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp:...

3. Địa chỉ trụ sở chính:...

Địa chỉ trụ sở giao dịch (nếu có):....

4. Quyết định thành lập/Điều lệ hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số: ..... do .... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...

5. Điện thoại/Fax: .....

- Website .....

- Thư điện tử:....

**Phần II. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép**

1. Tên trang (nếu có): .....

2. Mục đích thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp: .....

3. Nội dung thông tin cung cấp trên trang thông tin điện tử tổng hợp; các chuyên mục, loại hình thông tin:...

4. Đối tượng phục vụ: .....

5. Nguồn tin: .....

6. Tên cơ quan báo chí, lĩnh vực thông tin liên kết (nếu có hoạt động hợp tác liên kết với cơ quan báo chí sản xuất tin bài): .....

7. Phương thức cung cấp thông tin: .....

a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền: .....

b) Qua ứng dụng ....phân phối trên kho ứng dụng...

8. Nhà cung cấp dịch vụ kết nối Internet: .....

9. Địa điểm đặt hệ thống máy chủ cung cấp dịch vụ tại Việt Nam: .....

10. Nhân sự chịu trách nhiệm quản lý trang thông tin điện tử tổng hợp:

a) Nhân sự chịu trách nhiệm trước pháp luật:

- Họ và tên: .....

- Chức danh: .....

- Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động): .....

b) Nhân sự quản lý nội dung:

- Họ và tên: .....

- Chức danh: .....

- Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động): .....

11. Thời gian đề nghị cấp phép: .....năm .....tháng.

12. Địa chỉ thư điện tử nhận đoạn mã (thể hiện biểu tượng trang thông tin điện tử tổng hợp đã được cấp phép): .....

### **Phần III. Tài liệu kèm theo**

1. ....

2. ....

### **Phần IV. Cam kết**

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định của pháp luật về bản quyền; các văn bản pháp luật có liên quan hiện hành.

3. Xây dựng quy trình quản lý nội dung, thông tin tổng hợp, kịp thời cập nhật, điều chỉnh các nội dung dẫn lại khi nội dung nguồn thay đổi; gỡ bỏ ngay nội dung thông tin đã tổng hợp khi nguồn thông tin được trích dẫn gỡ bỏ nội dung thông tin đó theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Luật Báo chí và khoản 3 Điều 34 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

4. Kiểm soát nguồn tin, đảm bảo thông tin tổng hợp đăng tải không vi phạm bản quyền; có công cụ bằng phương tiện điện tử để tiếp nhận, xử lý khiếu nại của người sử dụng về nội dung, dịch vụ; nội dung dẫn lại (theo thỏa thuận bằng văn bản giữa trang thông tin điện tử tổng hợp với cơ quan báo chí) không sớm hơn 01 giờ tính từ thời điểm phát hành nội dung nguồn theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 28 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

5. Không cho đăng tải ý kiến nhận xét, bình luận của độc giả về nội dung tin, bài được dẫn lại; nội dung tổng hợp ghi rõ tên tác giả và tên nguồn tin (viết đầy đủ tên nguồn tin), thời gian đã đăng, phát thông tin đó, đặt đường dẫn liên kết đến bài viết nguồn ngay cuối bài dẫn lại theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 28 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

6. Đảm bảo kết nối đến hệ thống giám sát của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để phục vụ cho việc theo dõi đăng tải tin bài trên trang thông tin điện tử tổng hợp và thống kê lượng người sử dụng truy cập khi có yêu cầu theo quy định tại khoản 6 Điều 34 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

7. Kiểm tra, giám sát và loại bỏ nội dung vi phạm Điều 8 Luật An ninh mạng chậm nhất là 24 giờ kể từ khi có yêu cầu bằng văn bản, điện thoại, hoặc qua phương tiện điện tử của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử), Bộ Công an (Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao), Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao địa phương và các cơ quan có thẩm quyền theo pháp luật chuyên ngành hoặc khi tự phát hiện vi phạm; thực hiện việc xử lý các yêu cầu, khiếu nại về sở hữu trí tuệ theo các quy định của pháp luật của Việt Nam về sở hữu trí tuệ; gỡ ngay nội dung dẫn lại (không chậm hơn 03 giờ) sau khi nội dung nguồn bị gỡ theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

8. Triển khai giải pháp bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật về bảo vệ trẻ em theo quy định tại khoản 5 Điều 34 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

9. Báo cáo theo quy định và chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 7 Điều 34 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

10. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cơ quan chủ quản (nếu có);
- .....

**XÁC NHẬN CỦA**  
**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/**  
**NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

*(Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện*

## **7. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp**

### **\* *Trình tự thực hiện***

- Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp phải làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép trong những trường hợp sau: Thay đổi cơ quan chủ quản (nếu có); thay đổi tên của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp; thay đổi địa chỉ trụ sở chính; thay đổi địa điểm đặt máy chủ; thay đổi nhân sự chịu trách nhiệm trước pháp luật và nhân sự quản lý nội dung; thay đổi tên trang (nếu có); thay đổi, bổ sung nội dung thông tin trên trang thông tin điện tử tổng hợp, phương thức cung cấp thông tin (tên miền, hệ thống phân phối ứng dụng) đối với trang thông tin điện tử tổng hợp theo Mẫu số 22 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP và các tài liệu chứng minh có liên quan (nếu có) đến cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

- *Việc cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp cho cơ quan báo chí trung ương, cơ quan ngoại giao và lãnh sự, tổ chức, doanh nghiệp trực thuộc trung ương, tổ chức tôn giáo hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; tổ chức Chính phủ và phi Chính phủ nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam quy định tại điểm c khoản 8 Điều 24 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP do Sở VH TT thành phố Hà Nội thực hiện.*

- Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp nộp 01 bộ hồ sơ tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (viết tắt là Sở VH TTDL/Sở VH TT).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở VH TTDL/Sở VH TT thẩm định, cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo mẫu quy định sau khi cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung và ghi rõ ngày cấp Giấy phép lần đầu, ngày cấp sửa đổi, bổ sung. Giấy phép sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ ngày cấp sửa đổi, bổ sung tới ngày hết hiệu lực của Giấy phép được cấp ban đầu. Trường hợp từ chối, Sở VH TTDL/Sở VH TT có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**\* *Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

**\* *Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo Mẫu số 22 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP;

(2) Các tài liệu chứng minh có liên quan (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**\* *Thời hạn giải quyết:*** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**\* *Đối tượng thực hiện:*** Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

\* **Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở VH TTDL/Sở VH TT

\* **Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo Mẫu số 22 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

\* **Kết quả thực hiện:** Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.

\* **Phí, lệ phí:** Không quy định.

\* **Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

\* **Căn cứ pháp lý:**

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

- Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

*Phần chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.*

**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,  
DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP THIẾT LẬP  
TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TỔNG HỢP**

Kính gửi:.....

**Phần I. Thông tin chung**

1. Tên cơ quan chủ quản:.....
2. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp:.....
3. Địa chỉ trụ sở chính:.....  
Địa chỉ trụ sở giao dịch (nếu có):.....
4. Điện thoại/fax: .....  
- Website .....  
- Thư điện tử:.....
5. Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp đề nghị được sửa đổi, bổ sung: Giấy phép (*tên giấy phép*)... số .... cấp ngày .... tháng ...năm .....
6. Phương thức cung cấp thông tin:
  - a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền, tên trang: ....
  - b) Qua ứng dụng ... phân phối trên kho ứng dụng: .....

**Phần II. Mô tả tóm tắt về đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép**

1. Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:
2. Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

**Phần III. Tài liệu kèm theo**

1. ....
2. ....

**Phần IV. Cam kết**

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định của pháp luật về bản quyền; các văn bản pháp luật có liên quan hiện hành.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Cơ quan chủ quản  
(nếu có);

.....

**XÁC NHẬN CỦA**  
**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/**  
**NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

*(Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).*

## **8. Thủ tục gia hạn Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp**

### **\* Trình tự thực hiện**

- Chậm nhất 30 ngày trước khi hết hạn Giấy phép đã được cấp, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp muốn gia hạn Giấy phép đã được cấp gửi văn bản đề nghị gia hạn Giấy phép tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh, thành phố (viết tắt là Sở VH TTDL/Sở VH TT).

- *Việc cấp gia hạn Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp cho cơ quan báo chí trung ương, cơ quan ngoại giao và lãnh sự, tổ chức, doanh nghiệp trực thuộc trung ương, tổ chức tôn giáo hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; tổ chức Chính phủ và phi Chính phủ nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam quy định tại điểm c khoản 8 Điều 24 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP do Sở VH TT thành phố Hà Nội thực hiện.*

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ, Sở VH TTDL/Sở VH TT thẩm định, cấp gia hạn Giấy phép đã cấp theo mẫu quy định. Việc xét gia hạn Giấy phép được thực hiện dựa trên việc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ các quy định trong Giấy phép và các quy định của pháp luật có liên quan về quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên mạng. Trường hợp từ chối, Sở VH TTDL/Sở VH TT có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

\* **Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

\* **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo Mẫu số 25 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

\* **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

\* **Đối tượng thực hiện:** Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

\* **Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở VH TTDL/Sở VH TT

\* **Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo Mẫu số 25 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

\* **Kết quả thực hiện:** Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.

\* **Phí, lệ phí:** Không quy định.

\* **Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

\* **Căn cứ pháp lý:**

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

- *Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.*

*Phần chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.*

**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,  
DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP THIẾT LẬP  
TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TỔNG HỢP**

Kính gửi:.....

*(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị được gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp như sau:*

**Phần I. Thông tin chung**

1. Tên cơ quan chủ quản (nếu có):...
2. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp:...
3. Địa chỉ trụ sở chính:.....  
Địa chỉ trụ sở giao dịch (nếu có): ...
4. Quyết định thành lập/Điều lệ hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số: ..... do .... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...
5. Điện thoại/Fax: .....  
- Website .....  
- Thư điện tử:...
6. Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp đề nghị được gia hạn: Giấy phép (*tên giấy phép*)... số .... cấp ngày ....tháng ....năm .....

Phương thức cung cấp thông tin:

- a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền, tên trang: ....
- b) Qua ứng dụng ... phân phối trên kho ứng dụng: .....

**Phần II. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn giấy phép**

- Lý do đề nghị gia hạn .....
- Thời hạn đề nghị được gia hạn: .... năm .... tháng

**Phần III. Tài liệu kèm theo**

1. ....
2. ....

#### **Phần IV. Cam kết**

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định của pháp luật về bản quyền; các văn bản pháp luật có liên quan hiện hành.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cơ quan chủ quản  
(nếu có);

.....

**XÁC NHẬN CỦA**  
**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/**  
**NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

*(Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử)).*

### **A3. LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH**

#### **9. Thủ tục xác nhận đăng ký hoạt động in (cấp tỉnh)**

**\* *Trình tự thực hiện:***

- Trước khi hoạt động, Cơ sở in là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp thuộc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, hợp tác xã và chi nhánh, địa điểm kinh doanh của các loại hình này) phải có hồ sơ đăng ký hoạt động in gửi đến cơ quan quản lý về hoạt động in ở địa phương (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao) đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in theo quy định.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký hoạt động của cơ sở in, cơ quan quản lý về hoạt động in ở địa phương có trách nhiệm cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động in; trường hợp không cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do. *Giấy xác nhận đăng ký hoạt động in điện tử có giá trị pháp lý như giấy xác nhận đăng ký hoạt động in bản giấy.*

Trường hợp hồ sơ đăng ký hoạt động in không đúng thành phần quy định phải thông báo bằng văn bản cho cơ sở in và nêu rõ lý do.

**\* *Cách thức thực hiện:*** *Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.*

**\* *Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ khai đăng ký hoạt động in (*Mẫu số 08 tại Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết 18/2026/NQ-CP*).

(2) Sơ yếu lý lịch của người đại diện pháp luật/người đứng đầu cơ sở in (*Mẫu số 09 tại Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết 18/2026/NQ-CP*).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**\* *Thời hạn giải quyết:*** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**\* *Đối tượng thực hiện TTHC:*** Cơ sở in (là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp thuộc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, hợp tác xã và chi nhánh, địa điểm kinh doanh của các loại hình này).

**\* *Cơ quan thực hiện TTHC:*** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao.

**\* *Kết quả của việc thực hiện TTHC:*** Giấy xác nhận đăng ký hoạt động in.

**\* *Phí, lệ phí:*** Không có

**\* *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Tờ khai đăng ký hoạt động cơ sở in (*Mẫu số 08 tại Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết 18/2026/NQ-CP*). Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở in (*Mẫu số 09 tại Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết 18/2026/NQ-CP*).

**\* Yêu cầu, điều kiện:**

- Đối với cơ sở in thực hiện chế bản, in, gia công sau in các sản phẩm gồm: Báo, tạp chí và các ấn phẩm báo chí khác theo quy định của pháp luật về báo chí; Mẫu, biểu mẫu giấy tờ do cơ quan nhà nước ban hành; tem chống giả; hóa đơn tài chính, các loại thẻ, giấy tờ có sẵn mệnh giá hoặc dùng để ghi mệnh giá (không bao gồm tiền) phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

(1) Có thiết bị phù hợp để thực hiện một hoặc nhiều công đoạn chế bản, in, gia công sau in theo nhu cầu, khả năng hoạt động của cơ sở in và đúng với tờ khai đăng ký hoạt động cơ sở in;

(2) Có mặt bằng hợp pháp để thực hiện chế bản, in, gia công sau in;

(3) Có chủ sở hữu là tổ chức (cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có chủ sở hữu là công dân Việt Nam) hoặc cá nhân là công dân Việt Nam; có người đứng đầu là công dân Việt Nam, thường trú hợp pháp tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

- Đối với cơ sở in thực hiện chế bản, in, gia công sau in các sản phẩm gồm: Bao bì, nhãn hàng hóa; Mẫu, biểu mẫu, giấy tờ, sách, sổ, tài liệu hướng dẫn sử dụng, giới thiệu, quảng cáo thiết bị, công cụ sản xuất, sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; áp-phích, tờ rời, tờ gấp không phải là xuất bản phẩm theo quy định của Luật Xuất bản và các sản phẩm in khác phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

(1) Có thiết bị phù hợp để thực hiện một hoặc nhiều công đoạn chế bản, in, gia công sau in theo nhu cầu, khả năng hoạt động của cơ sở in và đúng với tờ khai đăng ký hoạt động cơ sở in;

(2) Có mặt bằng hợp pháp để thực hiện chế bản, in, gia công sau in;

**\* Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

- Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

- Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/2/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

- Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

*- Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.*

*Phần chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.*

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN  
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG IN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../..... (nếu có)

..., ngày ... tháng ... năm ...

## TỜ KHAI

### Đăng ký hoạt động in

Kính gửi: .....<sup>1</sup>

- Tên cơ sở in/chi nhánh: .....
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Địa chỉ chi nhánh (nếu có): .....
- Điện thoại: ..... Email: .....
- Mã số doanh nghiệp: .....
- Quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp công lập số  
..... ngày ..... tháng ..... năm ....., nơi cấp .....
- Điện thoại: ..... Email: .....
- Họ tên người đứng đầu cơ sở in: .....
- Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Số .....  
ngày .... tháng ... năm ..... nơi cấp ..... hoặc số định danh cá nhân: .....
- Chức vụ: .....
- Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu cơ sở in (nếu có): .....
- Nội dung đăng ký hoạt động chế bản/in/gia công sau in .....<sup>2</sup>
- Mục đích hoạt động .....<sup>3</sup>
- Danh mục thiết bị in (*Chế bản, in, gia công sau in*)

STT	Tên thiết bị (Ghi tiếng Việt và theo công nghệ)	Hãng sản xuất	Model	Số định danh thiết bị (Số máy)	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Số lượng (chiếc)	Chất lượng (Mới 100% hoặc đã qua sử dụng tại thời điểm đầu tư)	Tính năng sử dụng (chế bản, in, gia công sau in)	Số, ngày, tháng, năm của Hóa đơn mua thiết bị

- Số, ngày, tháng, năm, nơi cấp giấy tờ về địa điểm, mặt bằng sản xuất:

.....<sup>4</sup>

Chúng tôi cam kết tính chính xác nội dung đăng ký trên đây và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về hoạt động in./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

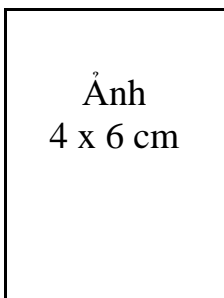
---

1 Ghi tên cơ quan xác nhận đăng ký.

2 Ghi tên từng loại sản phẩm in đăng ký (Ví dụ: Bao bì, nhãn hàng hóa...).

3 Ghi rõ là kinh doanh hoặc không kinh doanh (phục vụ nội bộ).

4 Ghi số, ngày, tháng, năm, nơi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng hoặc các loại giấy tờ khác chứng minh về việc được giao đất, thuê đất, thuê mặt bằng, nhà xưởng.



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**  
**(của người đứng đầu cơ sở in)**

1. Họ và tên ..... Bí danh: .....
  2. Ngày, tháng, năm sinh: ..... Nam, nữ: .....
  3. Quê quán: .....
  4. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....
  5. Nơi đăng ký tạm trú hiện nay (nếu có): .....
  6. Căn cước công dân: Số ..... ngày..... tháng ..... năm ... nơi cấp hoặc số định danh cá nhân: .....
  7. Dân tộc: ..... Tôn giáo: ..... Quốc tịch: .....
  8. Tình trạng sức khỏe hiện nay: .....
  9. Trình độ văn hóa: ..... Trình độ chuyên môn: .....
  10. Trình độ chính trị: .....
  11. Chức vụ trong cơ sở in: .....
  12. Tên cơ sở in/chi nhánh: .....
  13. Ngành, nghề kinh doanh về in: .....
- QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BẢN THÂN**

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Làm công tác gì, cơ quan nào, chức vụ?	Địa chỉ ở đâu?

Tôi cam đoan những nội dung khai trong bản lý lịch này là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN/ĐƠN VỊ<sup>1</sup>**

....., ngày .... tháng ..... năm ...

**Người khai ký tên**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

<sup>1</sup>Dành cho cơ sở in sự nghiệp công lập

**TÊN CƠ QUAN  
CẤP GIẤY XÁC NHẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../ GP-<sup>1</sup>

....., ngày ... tháng ... năm ....

**GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG IN**

.....<sup>2</sup>

*Căn cứ Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2018, năm 2022 và năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02 tháng 04 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;*

*Xét Tờ khai đăng ký hoạt động cơ sở in của .....*

**XÁC NHẬN:**

1. Cơ sở in/chi nhánh: .....

- Địa chỉ trụ sở chính: .....

- Địa chỉ chi nhánh (nếu có): .....

- Họ tên người đứng đầu: .....

- Căn cước công dân hoặc hoặc số định danh cá nhân: .....

Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Số ..... ngày.... tháng ... năm ..... nơi cấp .....

- Chức vụ: .....

2. Được xác nhận:.....<sup>3</sup>

3. Giấy xác nhận này thay thế cho Giấy xác nhận số....., ngày..... tháng ..... năm.....<sup>4</sup>

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

*(Ký, ghi rõ chức vụ, họ tên và đóng dấu)*

<sup>1</sup> Chữ viết tắt tên cơ quan cấp giấy xác nhận.

<sup>2</sup> Ghi tên chức vụ và cơ quan cấp giấy xác nhận đăng ký theo quy định của pháp luật.

<sup>3</sup> Ghi cụ thể từng công đoạn chế bản, in, gia công sau in phù hợp với thiết bị in và từng loại sản phẩm in theo quy định.

<sup>4</sup> Sử dụng trong trường hợp thay đổi giấy xác nhận.

## **10. Thủ tục xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in (cấp tỉnh)**

### **\* *Trình tự thực hiện:***

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có một trong các thay đổi về thông tin đã được xác nhận, cơ sở in (*là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp thuộc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, hợp tác xã và chi nhánh, địa điểm kinh doanh của các loại hình này*) phải gửi hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in theo mẫu quy định đến cơ quan quản lý về hoạt động in ở địa phương (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao) để cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động in.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký hoạt động của cơ sở in, cơ quan quản lý về hoạt động in ở địa phương có trách nhiệm cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động in; trường hợp không cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in không đúng thành phần quy định phải thông báo bằng văn bản cho cơ sở in và nêu rõ lý do.

**\* *Cách thức thực hiện:*** *Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.*

### **\* *Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ khai thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in (*Mẫu số 11 Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết 18/2026/NQ-CP*).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**\* *Thời hạn giải quyết:*** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**\* *Đối tượng thực hiện TTHC:*** *Cơ sở in (là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp thuộc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, hợp tác xã và chi nhánh, địa điểm kinh doanh của các loại hình này)*

**\* *Cơ quan thực hiện TTHC:*** *Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao.*

**\* *Kết quả của việc thực hiện TTHC:*** *Giấy xác nhận đăng ký hoạt động in.*

**\* *Phí, lệ phí:*** Không có

**\* *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** *Tờ khai thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in (Mẫu số 11 Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết 18/2026/NQ-CP).*

**\* *Yêu cầu, điều kiện:*** Không có

**\* *Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

- Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

- Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/2/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.

- Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- *Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.*

*Phân chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.*

**TÊN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THAY ĐỔI THÔNG TIN      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....(nếu có)

....., ngày ... tháng ... năm ....

**TỜ KHAI**

**Thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in**

Kính gửi:.....<sup>1</sup>

**I. NỘI DUNG THÔNG TIN ĐÃ KHAI BÁO<sup>2</sup>**

- Tên cơ sở in/chi nhánh: .....
- Địa chỉ trụ sở chính: .....
- Địa chỉ chi nhánh (nếu có): .....
- Điện thoại:..... Email: .....
- Quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp số .... ngày .... tháng .....  
nơi cấp .....
- Điện thoại: ..... Email: .....
- Họ tên người đứng đầu cơ sở in: .....
- Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Số .....  
ngày.... tháng ... năm ..... nơi cấp ..... hoặc số định danh cá nhân: .....
- Chức vụ: .....
- Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu cơ sở in (nếu có): .....
- Nội dung đăng ký hoạt động chế bản/in/gia công sau in .....
- Mục đích hoạt động:.....
- Danh mục thiết bị in (Chế bản, in, gia công sau in).

STT	Tên thiết bị (Ghi tiếng Việt và theo công nghệ)	Hãng sản xuất	Model	Số định danh thiết bị (Số máy)	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Số lượng (chiếc)	Chất lượng (Mới 100% hoặc đã qua sử dụng tại thời điểm đầu tư)	Tính năng sử dụng (chế bản, in, gia công sau in)	Số, ngày, tháng, năm của Hóa đơn mua thiết bị

**II. NỘI DUNG THÔNG TIN THAY ĐỔI (KHAI BÁO LẠI)<sup>3</sup>**

- Tên cơ sở in/chi nhánh: .....
- Địa chỉ trụ sở chính: .....
- Điện thoại:..... Email: .....
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc mã số doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp số ..... ngày .... tháng ..... nơi cấp .....
- .....
- Địa chỉ chi nhánh (nếu có): .....
- Điện thoại: ..... Email: .....
- Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Số ..... ngày .... tháng ... năm ..... nơi cấp ..... hoặc số định danh cá nhân: .....
- Chức vụ: .....
- Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu cơ sở in (nếu có): .....
- Nội dung đăng ký hoạt động chế bản/in/gia công sau in: .....
- Mục đích hoạt động: .....
- Danh mục thiết bị in (Chế bản, in, gia công sau in)

STT	Tên thiết bị (Ghi tiếng Việt và theo công nghệ)	Hãng sản xuất	Model	Số định danh thiết bị (Số máy)	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Số lượng (chiếc)	Chất lượng (Mới 100% hoặc đã qua sử dụng tại thời điểm đầu tư)	Tính năng sử dụng (chế bản, in, gia công sau in)	Số, ngày, tháng, năm của Hóa đơn mua thiết bị

Cơ sở in cam kết tính chính xác nội dung đăng ký trên đây và chấp hành đúng quy định của pháp luật về hoạt động in./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

<sup>1</sup> Ghi tên cơ quan xác nhận đăng ký.

<sup>2</sup> Ghi theo nội dung đã đăng ký và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

<sup>3</sup> Ghi nội dung thông tin thay đổi so với lần đăng ký trước.

**TÊN CƠ QUAN  
CẤP GIẤY XÁC NHẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../ GP-<sup>1</sup>

....., ngày ... tháng ... năm ....

**GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG IN**

.....<sup>2</sup>

*Căn cứ Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2018, năm 2022 và năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;*

*Xét Tờ khai đăng ký hoạt động cơ sở in của .....*

**XÁC NHẬN:**

1. Cơ sở in/chi nhánh: .....

- Địa chỉ trụ sở chính: .....

- Địa chỉ chi nhánh (nếu có): .....

- Họ tên người đứng đầu: .....

- Căn cước công dân hoặc hoặc số định danh cá nhân: .....

Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Số ..... ngày.... tháng ... năm ..... nơi cấp .....

- Chức vụ: .....

2. Được xác nhận:.....<sup>3</sup>

3. Giấy xác nhận này thay thế cho Giấy xác nhận số....., ngày..... tháng ..... năm.....<sup>4</sup>

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

*(Ký, ghi rõ chức vụ, họ tên và đóng dấu)*

<sup>1</sup> Chữ viết tắt tên cơ quan cấp giấy xác nhận.

<sup>2</sup> Ghi tên chức vụ và cơ quan cấp giấy xác nhận đăng ký theo quy định của pháp luật.

<sup>3</sup> Ghi cụ thể từng công đoạn chế bản, in, gia công sau in phù hợp với thiết bị in và từng loại sản phẩm in theo quy định.

<sup>4</sup> Sử dụng trong trường hợp thay đổi giấy xác nhận.

## **11. Thủ tục cấp lại Giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm**

### **\* Trình tự thực hiện:**

- Trong trường hợp giấy phép của cơ sở hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm bị mất hoặc hư hỏng phải làm hồ sơ gửi đến cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao) để đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm; trường hợp không cấp lại giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm (theo Mẫu số 12 tại Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP);

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**e) Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

**g) Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao.

**h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm.

**i) Phí, lệ phí:** Không có

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp/cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm (theo Mẫu số 12 tại Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP).

**l) Yêu cầu, điều kiện:** Không có

### **m) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;

- Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông;

- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản;

- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.

- Nghị quyết 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh;

- *Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.*

*Phần chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung*

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÊN CƠ SỞ ĐỀ NGHỊ... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

### **ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

#### **Cấp/cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm**

Kính gửi: .....(\*)

Tên cơ sở (doanh nghiệp) đề nghị cấp giấy phép: .....

Trụ sở: .....

Điện thoại:.....

E-mail:.....

Website(nếu có): .....

Mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan về hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm, doanh nghiệp chúng tôi đề nghị được cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm trực tiếp của nước ngoài.

Doanh nghiệp chúng tôi cam kết đảm bảo đầy đủ các điều kiện và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm sau khi được cấp giấy phép.

Kèm theo đơn này các tài liệu theo quy định.....(2)

Đề nghị .....<sup>(1)</sup> xem xét, cấp/cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/  
 chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

(\*) Tên cơ quan cấp phép.

(2) Căn cứ vào đề nghị cấp lần đầu hoặc cấp lại để gửi kèm theo các giấy tờ tương ứng cho phù hợp với quy định của Khoản 4 Điều 38 Luật Xuất bản, Điều 14 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP.

## **A4. LĨNH VỰC VĂN HÓA VÀ LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG MUA BÁN QUỐC TẾ CHUYÊN NGÀNH VĂN HÓA**

### **12. Thủ tục kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh trước khi xuất khẩu**

**\* *Trình tự thực hiện:***

- Cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao) có thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành và niêm phong văn hóa phẩm xuất khẩu trong các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Nghị định số 31/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ. Các văn hóa phẩm gồm:

+ Bản ghi âm, ghi hình trong quá trình sản xuất phim tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài không nhằm mục đích kinh doanh;

+ Bản ghi âm, ghi hình về nghệ thuật biểu diễn không nhằm mục đích kinh doanh;

+ Tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh không nhằm mục đích kinh.

+ Di vật, cổ vật không nhằm mục đích kinh doanh.

- Cá nhân, tổ chức gửi trực tiếp 01 bộ hồ sơ đề nghị kiểm tra chuyên ngành trước khi xuất khẩu đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao (Sở VH TTDL/Sở VH TT).

- Sở VH TTDL/Sở VH TT có thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành và niêm phong văn hóa phẩm xuất khẩu đối với văn hóa phẩm thuộc thẩm quyền theo đề nghị của cơ quan Hải quan hoặc cá nhân, tổ chức trong thời gian tối đa không quá 12 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở VH TTDL/Sở VH TT đề nghị cá nhân, tổ chức hoàn thiện hồ sơ.

- Cá nhân, tổ chức nhận Biên bản kiểm tra chuyên ngành và niêm phong văn hóa phẩm xuất khẩu kèm văn hóa phẩm đã được kiểm tra chuyên ngành và dán niêm phong tại trụ sở Sở VH TTDL/Sở VH TT.

- Biên bản kiểm tra chuyên ngành và niêm phong văn hóa phẩm xuất khẩu là cơ sở để cơ quan Hải quan giải quyết thủ tục xuất khẩu văn hóa phẩm.

**\* *Cách thức thực hiện:*** Gửi trực tiếp.

**\* *Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm xuất khẩu theo Phụ lục I Nghị định 31/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ;

(2) Văn hóa phẩm đề nghị kiểm tra chuyên ngành;

(3) Trường hợp văn hóa phẩm là di vật, cổ vật phải có thêm: Bản sao quyết định cho phép xuất khẩu di vật, cổ vật của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bản sao tài liệu kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực tài liệu có liên quan chứng minh nguồn gốc, xuất xứ hợp pháp của di vật, cổ vật.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

\* **Thời hạn giải quyết:** 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

\* **Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân, tổ chức.

\* **Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở VH TTDL/Sở VH TT

\* **Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm xuất khẩu theo Phụ lục I Nghị định 31/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ;

\* **Kết quả thực hiện TTHC:** Biên bản kiểm tra chuyên ngành và niêm phong văn hóa phẩm xuất khẩu theo các mẫu tại Phụ lục II kèm theo Nghị định 31/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ.

\* **Phí, lệ phí:** Không quy định.

\* **Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

\* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.

- Nghị định 31/2025/NĐ-CP ngày ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.

- *Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.*

*Phần chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung*

TÊN TỔ CHỨC (1)

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

...(2)...., ngày.... tháng....năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH VĂN HÓA PHẨM XUẤT KHẨU KHÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH**

Kính gửi: .....(3).....

..... (1) .....*hoặc* Tôi tên là.....(4) .....

## 1. Đối với tổ chức:

Tên giao dịch: (*nếu có*) .....Tên viết tắt: (*nếu có*) .....Tên bằng tiếng nước ngoài: (*nếu có*) .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Số điện thoại: .....Fax: .....Email: .....

Website: .....

Người đại diện theo pháp luật: .....

Họ và tên: .....

Giới tính: .....Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../.....

Số thẻ căn cước công dân/Số thẻ căn cước/Số định danh cá nhân: .....

Ngày, tháng, năm cấp: ...../...../.....Nơi cấp: .....

*(đối với thẻ căn cước công dân/ thẻ căn cước)*

Nơi thường trú: .....

Nơi ở hiện tại: .....

## 2. Đối với cá nhân:

Quốc tịch: .....; Giới tính: .....Ngày, tháng, năm sinh: .....

Số thẻ căn cước công dân/Số thẻ căn cước/ Số định danh cá nhân: .....

Ngày, tháng, năm cấp: ...../...../.....Nơi cấp: .....

*(đối với thẻ căn cước công dân/ thẻ căn cước)*

Nơi thường trú: .....

Nơi ở hiện tại: .....

Điện thoại: .....Email: .....

Đề nghị ....(3).....kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm xuất khẩu dưới đây:

Loại văn hóa phẩm: .....

Số lượng: .....

Nội dung văn hóa phẩm: .....

.....

Gửi từ: .....

Đến: .....

Mục đích, phạm vi sử dụng: .....

Chúng tôi/Tôi xin cam kết thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về xuất khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.

**HỌ TÊN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**  
 ...(1) hoặc (4)  
 (nếu là cơ quan, tổ chức phải ký tên, đóng dấu)

***Ghi chú:***

- (1) Tên tổ chức đề nghị kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm xuất khẩu (ghi bằng chữ in hoa).
  - (2) Địa danh.
  - (3) Tên cơ quan có thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm xuất khẩu.
  - (4) Tên cá nhân đề nghị kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm xuất khẩu (ghi bằng chữ in hoa).
- Các thông tin tại biểu mẫu này đồng thời được sử dụng để xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác khi cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

TÊN CƠ QUAN (1)

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

Số: /BBKTCNNPXX

(2)...., ngày ... tháng ... năm ...

**BIÊN BẢN KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH VÀ NIÊM PHONG VĂN HÓA  
PHẨM XUẤT KHẨU KHÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH**

Theo đề nghị của .....(3).....  
tại Đơn đề nghị kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục  
đích kinh doanh ngày... tháng... năm.....

Căn cứ các quy định tại Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm  
2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm  
mục đích kinh doanh được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 31/2025/NĐ-CP  
ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ, .....(1).....đã kiểm tra chuyên ngành  
số văn hóa phẩm dưới đây:

Số lượng: .....

Loại văn hóa phẩm:.....

Nội dung:..... (đối với di vật, cổ vật phải mô tả).

Toàn bộ số văn hóa phẩm trên đã được niêm phong để xuất khẩu. Trường  
hợp không được phép xuất khẩu, nêu rõ lý do.

Đề nghị .....(3)..... làm  
các thủ tục để xuất khẩu số văn hóa phẩm trên tại cơ quan Hải quan có thẩm quyền  
theo quy định.

**HỌ TÊN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (1)***(Chữ ký/chữ ký số, dấu)***Ghi chú:**

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm xuất khẩu.

(2) Địa danh.

(3) Tên cá nhân, tổ chức đề nghị kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm xuất khẩu. Các thông tin tại biểu mẫu này đồng thời được sử dụng để xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác khi cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

## MẪU NIÊM PHONG VĂN HÓA PHẨM XUẤT KHẨU KHÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH



- Niêm phong văn hóa có 3 lớp, mặt trước là lớp giấy niêm phong chính được làm bằng vật liệu giấy đặc biệt tự vỡ khi bóc, ở giữa là lớp keo dính sẵn, mặt sau cùng là lớp giấy lót.
- Kích thước: 70 x 70 mm.
- Mặt trước: In trang trí nền hoa văn biểu tượng trống đồng màu vàng mờ. Các dòng chữ in màu xanh đậm gồm: trên cùng “BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH *hoặc* CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ VĂN HÓA THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH”, font chữ: Times New Roman, size: 9 pt; dòng thứ hai “NIÊM PHONG VĂN HÓA” font chữ: Haettenschweiler (Bold), size: 21 pt; dòng thứ ba “Người niêm phong ký” và “Số” của tờ niêm phong, font chữ: Times New Roman, size: 9 pt; dòng thứ tư là để ký và “Ngày:”, font chữ: Times New Roman, size: 9 pt.
- Số sê-ri của tờ niêm phong gồm 12 ký tự. Ý nghĩa của các ký tự: 2 chữ cái đầu là ký tự của lô sản phẩm, 2 chữ số tiếp theo là năm sản xuất, 6 chữ số cuối cùng là số thứ tự của tờ niêm phong.
- Niêm phong văn hóa được dùng một lần, sau khi gỡ niêm phong không thể tái sử dụng được.
- Các thông tin tại biểu mẫu này đồng thời được sử dụng để xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác khi cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

### **13. Thủ tục thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm (trừ di vật, cổ vật) không nhằm mục đích kinh doanh**

**\* Trình tự thực hiện:**

- Cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao) có thẩm quyền tiếp nhận Thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh trong các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Nghị định số 31/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ. Các văn hóa phẩm gồm:

+ Tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh không nhằm mục đích kinh doanh;

+ Bản ghi âm, ghi hình về nghệ thuật biểu diễn không nhằm mục đích kinh.

- Cá nhân, tổ chức có văn hóa phẩm (trừ di vật, cổ vật) nhập khẩu trong các trường hợp trên nộp 01 bộ hồ sơ thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh đến Sở VH TTDL/Sở VH TT.

- Sở VH TTDL/Sở VH TT khi tiếp nhận Thông báo có trách nhiệm kiểm tra nội dung văn hóa phẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 32/2012/NĐ-CP và cấp ngay Giấy biên nhận thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm cho người nộp hồ sơ theo Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 31/2025/NĐ-CP.

- Trường hợp phát hiện văn hóa phẩm cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định 32/2012/NĐ-CP, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đúng theo quy định, Sở VH TTDL/Sở VH TT gửi cho cơ quan Hải quan và cá nhân, tổ chức Thông báo dừng nhập khẩu văn hóa phẩm theo Phụ lục V kèm theo Nghị định 31/2025/NĐ-CP.

- Giấy biên nhận thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm mà không có Thông báo dừng nhập khẩu văn hóa phẩm của Sở VH TTDL/Sở VH TT là căn cứ để cơ quan Hải quan làm thủ tục nhập khẩu văn hóa phẩm.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm theo Phụ lục III kèm theo Nghị định 31/2025/NĐ-CP.

(2) 01 ảnh chụp mặt trước, chính giữa văn hóa phẩm; đối với tác phẩm điêu khắc bổ sung 01 ảnh chụp từng mặt: bên trái, bên phải và phía sau tác phẩm, có chú thích, kích thước ảnh nhỏ nhất 13 x 18 cm, được in trên giấy hoặc ghi vào thiết bị lưu trữ di động (đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc nộp qua bưu chính) hoặc ảnh định dạng số (đối với trường hợp nộp qua môi trường điện tử, nộp qua Cổng thông tin một cửa quốc gia). Bản dịch công chứng chi tiết nội dung đối với bản ghi âm, ghi hình có sử dụng tiếng nước ngoài;

(3) Bản sao vận đơn hoặc giấy báo nhận hàng (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**c) Thời hạn giải quyết:**

- Cấp ngay Giấy biên nhận thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm cho người nộp hồ sơ.

- Trường hợp phát hiện văn hóa phẩm cấm nhập khẩu, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy biên nhận, Sở VH TTDL/Sở VH TT gửi cho cơ quan Hải quan và cá nhân, tổ chức Thông báo dừng nhập khẩu văn hóa phẩm.

**d) Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân, tổ chức.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở VH TTDL/Sở VH TT.

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm theo Phụ lục III kèm theo Nghị định 31/2025/NĐ-CP.

**h) Kết quả thực hiện TTHC:** Thông báo dừng nhập khẩu văn hóa phẩm theo phụ lục V kèm theo Nghị định 31/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ trong trường hợp phát hiện văn hóa phẩm cấm nhập khẩu.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.

- Nghị định 31/2025/NĐ-CP ngày ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.

- *Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.*

*Phần chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung*

TÊN TỔ CHỨC (1)  
-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----

...(2)...., ngày ... tháng .... năm .....

**THÔNG BÁO NHẬP KHẨU VĂN HÓA PHẨM KHÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH  
KINH DOANH  
(trừ di vật, cổ vật)**

Kính gửi: .....(3).....

.....(1)... hoặc Tôi tên

là:.....(4).....

1. Đối với tổ chức:

Tên giao dịch: (nếu có).....

Tên viết tắt: (nếu có).....

Tên bằng tiếng nước ngoài: (nếu có).....

Địa chỉ trụ sở:.....

Số điện thoại: ..... Fax:..... Email.....

Website:.....

Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên:.....

Giới tính: (6)..... Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Số thẻ căn cước công dân/Số thẻ căn cước/Số định danh cá nhân:.....

Ngày, tháng, năm cấp:.....(7)...../...../..... Nơi cấp:(8).....

(đối với thẻ căn cước công dân/ thẻ căn cước)

Nơi thường trú: ....(9).....

Nơi ở hiện tại: (10).....

2. Đối với cá nhân:

Quốc tịch:..(5).....; Giới tính:.... (6).....; Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số thẻ căn cước công dân/Số thẻ căn cước/Số định danh cá nhân:.....

Ngày, tháng, năm cấp:..(7)...../...../..... Nơi cấp:...(8).....

(đối với thẻ căn cước công dân/ thẻ căn cước)

Nơi thường trú: ..(9).....

Nơi ở hiện tại: (10).....

Điện thoại:..... Email:.....

Thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm dưới đây:

Loại văn hóa phẩm:.....

Số lượng:.....

Chất liệu:.....

Kích thước:.....

Nội dung văn hóa phẩm:.....

Gửi từ:.....

Đến:.....

Mục đích, phạm vi sử dụng:.....

Chúng tôi/Tôi xin cam kết nội dung Thông báo nhập khẩu là đúng sự thật; chịu trách nhiệm bảo đảm nội dung văn hóa phẩm không vi phạm pháp luật; quản lý, sử dụng văn hóa phẩm nhập khẩu theo đúng quy định của pháp luật.

### HỌ TÊN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

...(1) hoặc (4)  
(nếu là cơ quan, tổ chức  
phải có chữ ký/chữ ký số, dấu)

#### **Ghi chú:**

(1) Tên tổ chức thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm (ghi bằng chữ in hoa).

(2) Địa danh.

(3) Tên cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận Thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm.

(4) Tên cá nhân thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm (ghi bằng chữ in hoa).

- Các thông tin số (5), (6), (7), (8), (9), (10):

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: các thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tự động điền vào biểu mẫu, người thực hiện thủ tục hành chính không cần kê khai. Nếu các thông tin không được tự động điền vào biểu mẫu thì người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ.

+ Trường hợp nộp hồ sơ giấy (nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính): người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ trong biểu mẫu.

+ Các thông tin tại biểu mẫu này đồng thời được sử dụng để xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác khi cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM  
QUYỀN (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

-----

...(2)...., ngày ... tháng .... năm .....

**GIẤY BIÊN NHẬN**  
**THÔNG BÁO NHẬP KHẨU VĂN HÓA PHẨM KHÔNG NHẢM MỤC ĐÍCH**  
**KINH DOANH**  
**(trừ di vật, cổ vật)**

.....(1).....

Địa chỉ trụ sở.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Ngày/tháng/năm đã nhận của.....(3).....

1. Đối với tổ chức:

Tên giao dịch: *(nếu có)*.....

Tên viết tắt: *(nếu có)*.....

Tên bằng tiếng nước ngoài: *(nếu có)*.....

Địa chỉ trụ sở:.....

Số điện thoại: .....Fax:.....Email.....

Website:.....

Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên:.....

Giới tính: (5)..... Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Số thẻ căn cước công dân/Số thẻ căn cước/Số định danh cá nhân:.....

Ngày, tháng, năm cấp: ...(6)/...../.....Nơi cấp: (7).....

*(đối với thẻ căn cước công dân/ thẻ căn cước)*

Nơi thường trú: ...(8).....

Nơi ở hiện tại: ...(9).....

2. Đối với cá nhân:

Quốc tịch: (4).....; Giới tính: (5).....; Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số thẻ căn cước công dân/Số thẻ căn cước/Số định danh cá nhân:.....

Ngày, tháng, năm cấp: ...(6)...../...../..... Nơi cấp: ...(7).....

*(đối với thẻ căn cước công dân/ thẻ căn cước)*

Nơi thường trú: ..(8).....

Nơi ở hiện tại:... (9).....

Điện thoại:.....Email:.....

01 bộ hồ sơ về việc Thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm, bao gồm:

1. ....

2.....

3.....

4.....

**HỌ TÊN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI  
TIẾP NHẬN THÔNG BÁO**  
(Chữ ký/chữ ký số, dấu)

**Ghi chú:**

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận Thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm.

(2) Địa danh.

(3) Tên cá nhân, tổ chức có văn hóa phẩm nhập khẩu.

- Các thông tin số (4), (5), (6), (7), (8), (9):

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: các thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tự động điền vào biểu mẫu, người thực hiện thủ tục hành chính không cần kê khai. Nếu các thông tin không được tự động điền vào biểu mẫu thì người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ.

+ Trường hợp nộp hồ sơ giấy (nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính): người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ trong biểu mẫu.

+ Các thông tin tại biểu mẫu này đồng thời được sử dụng để xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác khi cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM  
QUYỀN (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....  
...(2)...., ngày .... tháng .... năm .....

**THÔNG BÁO DỪNG NHẬP KHẨU VĂN HÓA PHẨM KHÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH  
KINH DOANH  
(trừ di vật, cổ vật)**

Kính gửi:.....(3).....

Căn cứ.....(4).....

.....(1).....thông báo dừng nhập khẩu văn hóa phẩm của cá nhân, tổ chức với thông tin sau:

1. Đối với tổ chức:

Tên giao dịch: *(nếu có)*.....

Tên viết tắt: *(nếu có)*.....

Tên bằng tiếng nước ngoài: *(nếu có)*.....

Địa chỉ trụ sở:.....

Số điện thoại:.....Fax:.....Email.....

Website:.....

Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên:.....

Giới tính: (6).....Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Số thẻ căn cước công dân/Số thẻ căn cước/Số định danh cá nhân:.....

Ngày, tháng, năm cấp:...(7).../...../.....Nơi cấp:.. (8).....

*(đối với thẻ căn cước công dân/ thẻ căn cước)*

Nơi thường trú: ...(9).....

Nơi ở hiện tại: ...(10).....

2. Đối với cá nhân:

Quốc tịch:.. (5).....; Giới tính... (6).....; Ngày, tháng, năm sinh: .....

Số thẻ căn cước công dân/Số thẻ căn cước/Số định danh cá nhân:.....

Ngày, tháng, năm cấp: ...(7).../...../..... Nơi cấp:.. (8).....

*(đối với thẻ căn cước công dân/ thẻ căn cước)*

Nơi thường trú: ..(9).....

Nơi ở hiện tại: ...(10).....

Điện thoại:.....Email:.....

Loại văn hóa phẩm:.....

Số lượng:.....

Chất liệu:.....

Kích thước:.....

Nội dung văn hóa phẩm:.....

.....

Gửi từ:.....

Đến:.....

Lý do dừng thông báo nhập khẩu:.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN (1)**  
(Chữ ký/chữ ký số, dấu)

**Ghi chú:**

- (1) Tên cơ quan có thẩm quyền thông báo dừng nhập khẩu văn hóa phẩm.
- (2) Địa danh.
- (3) Tên cá nhân, tổ chức có Thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm.
- (4) Nêu rõ căn cứ pháp lý dừng nhập khẩu văn hóa phẩm.

Các thông tin số (5), (6), (7), (8), (9), (10):

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: các thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tự động điền vào biểu mẫu, người thực hiện thủ tục hành chính không cần kê khai. Nếu các thông tin không được tự động điền vào biểu mẫu thì người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ.

+ Trường hợp nộp hồ sơ giấy (nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính): người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ trong biểu mẫu.

+ Các thông tin tại biểu mẫu này đồng thời được sử dụng để xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác khi cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

## **A5. LĨNH VỰC NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN**

### **14. Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật\***

#### **\* Trình tự thực hiện**

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền chấp thuận tổ chức biểu diễn nghệ thuật trong tất cả các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

- Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ít nhất 07 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức biểu diễn nghệ thuật;

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản thông báo yêu cầu hoàn thiện hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định, cấp văn bản chấp thuận tổ chức biểu diễn nghệ thuật (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 144/2020/NĐ-CP) đồng thời đăng tải trên hệ thống thông tin điện tử. Trường hợp không chấp thuận, phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do;

- Trường hợp thay đổi nội dung biểu diễn nghệ thuật đã được chấp thuận, tổ chức, cá nhân đề nghị tổ chức biểu diễn nghệ thuật có văn bản nêu rõ lý do gửi trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến tới cơ quan đã chấp thuận. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đã chấp thuận phải xem xét, quyết định và thông báo kết quả bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân đề nghị;

- Trường hợp thay đổi thời gian, địa điểm tổ chức biểu diễn nghệ thuật đã được chấp thuận, tổ chức, cá nhân đề nghị tổ chức biểu diễn nghệ thuật có văn bản thông báo gửi trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến tới cơ quan đã chấp thuận và chính quyền địa phương nơi tổ chức biểu diễn nghệ thuật ít nhất 02 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức.

#### **\* Cách thức thực hiện**

Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

#### **\* Thành phần, số lượng hồ sơ**

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị tổ chức biểu diễn nghệ thuật (Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 144/2020/NĐ-CP);

---

\* Thay thế tên thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)

(2) Kịch bản, danh mục tác phẩm gắn với tác giả, người chịu trách nhiệm chính về nội dung chương trình (đối với tác phẩm nước ngoài phải kèm bản dịch tiếng Việt).

\* **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

\* **Đối tượng thực hiện TTHC:** Đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật; hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn; tổ chức, cá nhân đăng ký kinh doanh hoạt động biểu diễn nghệ thuật.

\* **Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh, thành phố.

\* **Kết quả thực hiện TTHC:** Văn bản chấp thuận.

\* **Phí, lệ phí:**

- Phí thẩm định:

Mức thu phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn như sau:

<b>STT</b>	<b>Độ dài thời gian của một chương trình (vở diễn) biểu diễn nghệ thuật</b>	<b>Mức thu phí (đồng/chương trình, vở diễn)</b>
1	Đến dưới 50 phút	1.000.000
2	Từ 50 đến dưới 100 phút	1.400.000
3	Từ 100 đến dưới 150 phút	2.000.000
4	Từ 150 đến dưới 200 phút	2.340.000
5	Từ 200 phút trở lên	3.500.000

### **Trường hợp miễn phí**

Miễn phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn đối với chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, đối ngoại cấp quốc gia theo quy định tại Thông tư số 153/2025/TT-BTC, bao gồm: các hoạt động biểu diễn nghệ thuật nhân kỷ niệm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước, kỷ niệm ngày quốc khánh các nước tại Việt Nam; tổ chức nhân chuyến thăm của lãnh đạo cấp cao các nước đến Việt Nam; kỷ niệm ngày sinh nhật của một số lãnh tụ các nước tại Việt Nam hoặc nhân kỷ niệm sự kiện đặc biệt của nước ngoài được tổ chức tại Việt Nam.

\* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Văn bản đề nghị tổ chức biểu diễn nghệ thuật (Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 144/2020/NĐ-CP).

\* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Là đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật; hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn; tổ chức, cá nhân đăng ký kinh doanh hoạt động biểu diễn nghệ thuật theo quy định của pháp luật.

- Phải đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự an toàn xã hội, môi trường, y tế và phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật;
- Có văn bản chấp thuận tổ chức biểu diễn nghệ thuật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**\* Căn cứ pháp lý của TTHC**

- Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn.
- Thông tư số 153/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp một số khoản phí, lệ phí thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch.
- Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- *Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.*

*Phần chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.*

...(1)...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...

..., ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị tổ chức biểu diễn nghệ thuật

Kính gửi: ... (2)...

Căn cứ Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn, ... (1)... đề nghị tổ chức biểu diễn nghệ thuật như sau:

1. Tên chương trình biểu diễn nghệ thuật (tên nước ngoài nếu có): ...
2. Thời gian tổ chức: ...
3. Địa điểm tổ chức: ... (3) ...
4. Dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức duyệt chương trình: ...
5. Người chịu trách nhiệm chính nội dung: ...
6. Thông tin liên quan:

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên kết (nếu có);
- Việc tôn vinh, vinh danh danh hiệu của cá nhân, tổ chức (nếu có).

Tài liệu kèm theo: ... (4) ...

Chúng tôi cam kết thực hiện đúng những nội dung đăng ký trên theo các quy định của pháp luật hiện hành và có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định tại Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn;
- Tuân thủ quy định về bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, môi trường, y tế và phòng, chống cháy nổ, các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan trước và trong quá trình tổ chức biểu diễn nghệ thuật./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- ...;
- Lưu: ...

**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

(1) Tổ chức, cá nhân đề nghị.

(2) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận tổ chức biểu diễn nghệ thuật.

(3) Địa chỉ khu vực/cơ sở tổ chức biểu diễn nghệ thuật.

(4) Thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính và các tài liệu khác (nếu có).

## **15. Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan\***

### **\* *Trình tự thực hiện***

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền chấp thuận tổ chức cuộc thi, liên hoan trong tất cả các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

- Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ít nhất 30 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức cuộc thi, liên hoan;

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản thông báo yêu cầu hoàn thiện hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định, cấp văn bản chấp thuận tổ chức cuộc thi, liên hoan (theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 144/2020/NĐ-CP) đồng thời đăng tải trên hệ thống thông tin điện tử. Trường hợp không chấp thuận, phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do;

- Trường hợp thay đổi nội dung cuộc thi, liên hoan đã được chấp thuận, tổ chức, cá nhân đề nghị tổ chức cuộc thi, liên hoan có văn bản nêu rõ lý do gửi trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến tới cơ quan đã chấp thuận. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đã chấp thuận phải xem xét, quyết định và thông báo kết quả bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân đề nghị;

- Trường hợp thay đổi thời gian, địa điểm tổ chức cuộc thi, liên hoan đã được chấp thuận, tổ chức, cá nhân đề nghị tổ chức cuộc thi, liên hoan có văn bản thông báo gửi trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến tới cơ quan đã chấp thuận và chính quyền địa phương nơi tổ chức cuộc thi, liên hoan ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức cuộc thi, liên hoan.

### **\* *Cách thức thực hiện***

Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia.

### **\* *Thành phần, số lượng hồ sơ***

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị tổ chức cuộc thi, liên hoan (Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 144/2020/NĐ-CP);

(2) Đề án tổ chức cuộc thi, liên hoan (Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 144/2020/NĐ-CP).

---

\* Thay thế tên thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương).

\* **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

\* **Đối tượng thực hiện TTHC:** Đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật; hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn; tổ chức, cá nhân đăng ký kinh doanh hoạt động biểu diễn nghệ thuật.

\* **Cơ quan thực hiện TTHC**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh, thành phố.

\* **Kết quả thực hiện TTHC:** Văn bản chấp thuận.

\* **Phí, lệ phí:** Chưa quy định

\* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Văn bản đề nghị tổ chức cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn (Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 144/2020/NĐ-CP);

- Đề án tổ chức cuộc thi, liên hoan (Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 144/2020/NĐ-CP).

\* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Là đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật; hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn; tổ chức, cá nhân đăng ký kinh doanh hoạt động biểu diễn nghệ thuật theo quy định của pháp luật.

- Phải đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự an toàn xã hội, môi trường, y tế và phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật;

- Có văn bản chấp thuận tổ chức cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

\* **Căn cứ pháp lý của TTHC**

- Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

- Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

*Phần chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.*

...(1)...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị tổ chức cuộc thi, liên hoan  
các loại hình nghệ thuật biểu diễn

Kính gửi: ... (2) ...

Căn cứ Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn, ... (1) ... đề nghị tổ chức cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn như sau:

1. Tên cuộc thi, liên hoan (tên nước ngoài nếu có): ...
2. Thời gian tổ chức: ...
3. Địa điểm tổ chức: ... (3) ...
4. Loại hình nghệ thuật biểu diễn: ... (4) ...
5. Thông tin liên quan:

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên kết, phối hợp (nếu có).

Tài liệu kèm theo: ... (5) ...

...(1)... cam kết thực hiện đúng những nội dung trên theo các quy định của pháp luật hiện hành và có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định tại Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn;

- Tuân thủ quy định về bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, môi trường, y tế và phòng, chống cháy nổ, các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan trước và trong quá trình tổ chức cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- ...;
- Lưu: ...

**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

---

(1) Tổ chức, cá nhân đề nghị.

(2) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận tổ chức cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn.

(3) Địa chỉ khu vực/cơ sở tổ chức cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn.

(4) Ghi rõ loại hình nghệ thuật biểu diễn của cuộc thi, liên hoan.

(5) Thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính và các tài liệu khác (nếu có).

... (1) ...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐỀ ÁN TỔ CHỨC CUỘC THI, LIÊN HOAN**

**“...(2)...”**

**1. Tên gọi, đơn vị tổ chức cuộc thi, liên hoan**

1.1. Tên gọi: “...(2)...”

1.2. Đơn vị tổ chức: “...(1)...”

**2. Loại hình nghệ thuật biểu diễn**

Phần này ghi rõ các loại hình nghệ thuật biểu diễn được tổ chức thi, liên hoan

**3. Mục đích, ý nghĩa cuộc thi, liên hoan**

Mục đích, ý nghĩa của cuộc thi, liên hoan được nêu rõ và phải phù hợp với tên gọi của cuộc thi, liên hoan.

**4. Điều kiện, đối tượng tham gia cuộc thi, liên hoan**

4.1. Điều kiện tham gia

4.2. Đối tượng tham gia

**5. Nội dung, trình tự tổ chức**

5.1. Công bố cuộc thi, liên hoan

- Thời gian

- Cách thức, nội dung thông báo tổ chức

5.2. Vòng thi .../Chương trình liên hoan ...

- Thời gian, địa điểm

- Nội dung thi, liên hoan

- Công bố kết quả

5.3. Vòng thi .../Chương trình liên hoan ...

**6. Danh hiệu, giá trị giải thưởng và thời gian trao danh hiệu, giải thưởng**

6.1. Danh hiệu và giá trị giải thưởng

6.2. Thời gian trao danh hiệu, giải thưởng

**7. Quy chế chấm giải**

Ngoài các quy chế chấm giải của cuộc thi, liên hoan do đơn vị tổ chức quy định, phần này ghi rõ thành phần ban giám khảo có ít nhất 2/3 tổng số thành viên đáp ứng năng lực chuyên môn về loại hình nghệ thuật biểu diễn trong cuộc thi, liên hoan.

**8. Kinh phí tổ chức**

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh nguồn kinh phí)

**9. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân liên quan**

Phần này ghi rõ quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân liên kết, nhà tài trợ, thí sinh,... kèm theo cam kết phải chịu trách nhiệm xử lý giải quyết khiếu nại, tố cáo của các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động tổ chức cuộc thi, liên hoan của đơn vị.

**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

## A6. LĨNH VỰC MỸ THUẬT, NHIẾP ẢNH VÀ TRIỂN LÃM

### 16. Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc

#### \* *Trình tự thực hiện:*

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc cho tất cả các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật.

- Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tổ chức trại sáng tác điêu khắc gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép, trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

#### \* *Cách thức thực hiện:*

Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

#### \* *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu số 9 ban hành kèm theo Nghị định 113/2013/NĐ-CP;

(2) Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(3) Thẻ lệ.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

\* *Thời hạn giải quyết:* 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

\* *Đối tượng thực hiện TTHC:* Tổ chức, cá nhân

#### \* *Cơ quan thực hiện TTHC:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

\* *Mẫu đơn, tờ khai:* Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu số 9 ban hành kèm theo Nghị định 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật;

\* *Kết quả thực hiện TTHC:* Giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc hoặc văn bản trả lời.

\* *Phí, lệ phí:* Không quy định.

**\* Yêu cầu, điều kiện:**

Cơ quan, tổ chức Việt Nam được cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc, phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có chức năng hoạt động văn hoá nghệ thuật;
- Có đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Có thể lệ tổ chức trại sáng tác điêu khắc.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật.

- Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

*Phân chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.*

**TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP  
TỔ CHỨC TRẠI SÁNG TÁC ĐIỀU KHẮC**

Kính gửi: .....

- Tên cơ quan, tổ chức đề nghị:.....

- Người đại diện:..... Chức vụ:.....

- Địa chỉ:..... Điện thoại:.....

Đề nghị được cấp giấy phép tổ chức Trại sáng tác điều khắc (tên trại sáng tác điều khắc).....

- Chủ đề:.....

- Số lượng tác giả:

+ Quốc tịch Việt Nam:.....

+ Quốc tịch nước ngoài:.....

- Số lượng tác phẩm:.....

- Chất liệu:..... Kích thước tác phẩm:.....

- Nguồn vốn: .....

- Thời gian từ: ..... đến.....

- Địa điểm tổ chức trại sáng tác:.....

- Chủ sở hữu tác phẩm:.....

**Lời cam kết:**

Xin cam đoan thực hiện đúng nội dung giấy phép được cấp; nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm và chịu xử lý theo quy định của pháp luật./.

..., ngày ... tháng ... năm ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA  
CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)